

Số: 611/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030,
định hướng đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định 787/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2017 Thủ tướng Chính phủ về công nhận Sâm Việt Nam là sản phẩm quốc gia;

Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chương trình), với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Triển khai Chương trình đồng bộ, từ phát triển vùng nguyên liệu đến chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương.

2. Phát triển Sâm Việt Nam thành thương hiệu quốc gia, đưa Sâm Việt Nam thành sản phẩm chủ lực trong lĩnh vực y - dược; chăm sóc sức khỏe; đa dạng hóa sản phẩm, từng bước đưa Sâm Việt Nam thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn với bảo hộ thương hiệu Sâm Việt Nam.

3. Việc nuôi, trồng, phát triển Sâm Việt Nam trong môi trường rừng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đi đôi với việc bảo tồn tại chỗ nguồn gen Sâm Việt Nam; sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng, không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng của khu rừng.

4. Huy động các nguồn lực triển khai, thực hiện có hiệu quả Chương trình, trong đó chủ yếu là nguồn xã hội hóa. Ngân sách nhà nước đầu tư theo quy định của pháp luật, thông qua lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình đầu tư công và các Chương trình, đề án khác theo từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển Sâm Việt Nam thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao, là sản phẩm chủ lực trong lĩnh vực y - dược và chăm sóc sức khỏe, mang thương hiệu sản phẩm quốc gia; góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến năm 2030:

- Bảo tồn nguồn gen Sâm Việt Nam ngoài tự nhiên gắn với bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rừng;

- Phân đầu diện tích trồng Sâm Việt Nam đạt khoảng 21.000 ha vào năm 2030, 100% diện tích trồng Sâm Việt Nam được cấp mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý.

- Sản lượng khai thác Sâm Việt Nam từ năm 2030 đạt khoảng 300 tấn/năm (diện tích khai thác khoảng 1.000 ha/năm), đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, đạt tiêu chuẩn GACP - WHO (thực hành tốt nuôi trồng và thu hái) hoặc tương đương.

- Đầu tư, xây dựng các cơ sở sơ chế và chế biến sâu các sản phẩm từ Sâm Việt Nam gắn với vùng nguyên liệu, sản xuất theo chuỗi, trong đó có khoảng 50% cơ sở sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng GMP-WHO (thực hành sản xuất tốt).

b) Định hướng đến năm 2045:

Phát triển Sâm Việt Nam trở thành ngành hàng mang thương hiệu quốc tế, có giá trị xuất khẩu cao, tạo nguồn thu quan trọng cho các địa phương, phân đầu đưa Việt Nam trở thành nước sản xuất Sâm lớn trên thế giới.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Các địa phương có tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên phù hợp cho việc nuôi trồng, phát triển Sâm Việt Nam, gồm các tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên. Trong đó, phát triển vùng nguyên liệu Sâm Việt Nam quy mô hàng hóa tại các tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum và Lai Châu.

2. Đối tượng

a) Loài Sâm Việt Nam bảo tồn, gây trồng, phát triển

- Đối tượng bảo tồn, phát triển, chế biến, thương mại ở quy mô hàng hóa: Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv), Sâm Lai Châu (*Panax vietnamensis* var. *fiscidiscus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai).

- Đối tượng bảo tồn, gây trồng, phát triển quy mô thử nghiệm: Sâm Lang Biang (*Panax vietnamensis* var. *langbianensis* N.V.Duy, V.T.Tran&L.N.Trieu) và Sâm Puxailaileng (*Panax* sp) ở khu vực có điều kiện tự nhiên phù hợp.

b) Quỹ đất dự kiến để gây trồng, phát triển Sâm Việt Nam phục vụ mục tiêu sản xuất, kinh doanh tại Chương trình này bao gồm: gây trồng, phát triển dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất trồng cây nông nghiệp.

3. Thời gian thực hiện

a) Giai đoạn I: từ năm 2023 đến hết năm 2030.

b) Giai đoạn II: đến năm 2045, được xây dựng trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn I.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Bảo tồn, phát triển Sâm Việt Nam

a) Nhiệm vụ

- Đánh giá các loài Sâm Việt Nam có phân bố trong rừng tự nhiên thuộc các tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên về: phân bố, loài (phân tích gen), diện tích, trữ lượng và đề xuất vùng trồng thích hợp.

- Xây dựng vùng bảo tồn nguyên vị (in situ) và vườn sưu tập (ex situ) nguồn gen cây Sâm Việt Nam tại một số vùng sinh thái điển hình có phân bố tự nhiên, ưu tiên ở các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum, Lâm Đồng, Nghệ An, Lai Châu.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo tồn, phát triển nguồn gen các loài Sâm Việt Nam và xác định vùng trồng thích hợp.

b) Phân công thực hiện

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi Chương trình triển khai thực hiện.

2. Nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống Sâm Việt Nam

a) Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, chọn, tạo giống Sâm Việt Nam, trong đó tập trung chọn, tạo giống Sâm Ngọc Linh, Sâm Lai Châu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với sâu, bệnh hại.

- Hình thành các cơ sở sản xuất giống hiện đại tại các địa phương trên cơ sở xác định cụ thể về quy mô diện tích vùng trồng Sâm Việt Nam phù hợp, đảm bảo hiệu quả, trong đó ưu tiên tại các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum, Lai Châu, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với khả năng cung ứng cây giống cho phát triển vùng nguyên liệu bình quân khoảng 2.000 ha/năm.

- Hoàn thiện các quy trình sản xuất giống và quy trình canh tác Sâm Việt Nam phục vụ gây trồng, phát triển vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát nguồn gốc giống Sâm Việt Nam đảm bảo hợp pháp theo quy định hiện hành.

b) Phân công thực hiện

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi Chương trình triển khai thực hiện.

3. Phát triển vùng nguyên liệu Sâm Việt Nam tập trung

a) Nhiệm vụ

- Gây trồng, phát triển vùng nguyên liệu Sâm Việt Nam với diện tích khoảng 21.000 ha, tại các tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp với yêu cầu sinh thái của Sâm Việt Nam, quy mô và địa điểm cụ thể được xác định trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng tiềm năng, năng lực đầu tư, quỹ đất, hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường và nhu cầu thị trường (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Lập hồ sơ quản lý, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đối với toàn bộ diện tích Sâm Việt Nam của các tổ chức, cá nhân theo tiêu chuẩn GACP-WHO.

- Thử nghiệm một số mô hình phát triển Sâm Việt Nam tại một số địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp (không thực hiện trong rừng đặc dụng),

đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật liên quan làm cơ sở phát triển vùng nguyên liệu.

b) Phân công thực hiện

Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện.

4. Thúc đẩy chế biến, kinh doanh các sản phẩm Sâm Việt Nam bền vững theo chuỗi giá trị

a) Nhiệm vụ

- Đầu tư, phát triển các cơ sở chế biến Sâm gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hiện đại; ưu tiên đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm từ Sâm Việt Nam bao gồm: thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hóa mỹ phẩm, sản phẩm thực dưỡng..., trong đó tỷ lệ các doanh nghiệp, cơ sở chế biến Sâm đạt tiêu chuẩn chất lượng GMP - WHO (hướng dẫn thực hành sản xuất tốt) hoặc tương đương đạt ít nhất 50%. Nghiên cứu, đầu tư phát triển công nghiệp dược tại tỉnh Quảng Nam, với Sâm Việt Nam là cây chủ lực.

- Phát triển, đa dạng hóa sản phẩm Sâm Việt Nam theo chuỗi giá trị, đạt khoảng 50 - 80 sản phẩm vào năm 2030; phát triển các kênh giới thiệu, phân phối sản phẩm ở trong và ngoài nước.

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc Sâm Việt Nam, đảm bảo các sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; khuyến khích các tổ chức hình thành các phòng kiểm định nguồn gốc, chất lượng Sâm Việt Nam đạt tiêu chuẩn GLP tại các vùng trọng điểm nuôi trồng và chế biến sản phẩm Sâm.

- Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm Sâm Việt Nam tại các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum và Lai Châu.

b) Phân công thực hiện

Ủy ban nhân dân các tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện.

5. Xây dựng phát triển thương hiệu, thị trường, xúc tiến thương mại

a) Nhiệm vụ

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và phát triển sản phẩm Sâm Việt Nam trong nước và quốc tế.

- Tổ chức triển lãm giới thiệu các sản phẩm Sâm Việt Nam gắn với phát triển làng du lịch cộng đồng thông qua tổ chức các lễ hội văn hóa Sâm hằng năm để quảng bá nét đặc sắc về văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số vùng miền núi tại 03 tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum, Lai Châu.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm Sâm Việt Nam trong nước và quốc tế.

- Tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng kết hợp với giới thiệu về văn hóa, truyền thống canh tác và sử dụng Sâm Việt Nam tại 03 tỉnh: Quảng Nam, Kon Tum, Lai Châu.

b) Phân công thực hiện

Ủy ban nhân dân các tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện.

6. Phát triển hạ tầng vùng trồng Sâm Việt Nam gắn với phát triển hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi

a) Nhiệm vụ

- Đầu tư, nâng cấp các cơ sở sản xuất giống Sâm Việt Nam hiện đại trên cơ sở xác định cụ thể về quy mô diện tích vùng trồng gắn với quản lý, truy xuất nguồn gốc giống.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông, điện kết nối đến các huyện, xã có vùng nguyên liệu trồng Sâm Việt Nam tập trung và các cơ sở chế biến tại các tỉnh tham gia Chương trình thông qua lồng ghép thực hiện các Chương trình và nguồn vốn đầu tư công.

- Đầu tư hạ tầng thiết yếu khác phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Sâm Việt Nam.

b) Phân công thực hiện

Ủy ban nhân dân các tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện.

V. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp

a) Về khoa học, công nghệ

- Khẩn trương hoàn thiện, đưa vào vận hành các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống, kiểm định chất lượng Sâm Việt Nam đã được đầu tư; tập trung nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ cho phát triển sản xuất giống Sâm Việt Nam đáp ứng nhu cầu sản xuất ở quy mô hàng hóa.

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nhân giống Sâm Việt Nam. Thực hiện có hiệu quả các đề tài/nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc dự án khoa học công nghệ sản phẩm quốc gia “Sâm Việt Nam” chuyển giao các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất.

- Đầu tư các cơ sở sản xuất giống quy mô hiện đại, đảm bảo chất lượng và khả năng cung ứng giống Sâm Việt Nam có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu, bệnh hại đảm bảo đủ số lượng cung ứng cho vùng nguyên liệu tập trung cùng với việc quản lý chặt chẽ nguồn gốc giống.

- Thực hiện nuôi trồng và thu hái Sâm Việt Nam theo nguyên tắc GACP-WHO và thực hành sản xuất, chế biến Sâm Việt Nam theo tiêu chuẩn GMP-WHO nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn, có khả năng cạnh tranh.

- Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình di thực cây Sâm Ngọc Linh ở các vùng có điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng tương đồng, đảm bảo theo đúng quy định về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật khác có liên quan để có cơ sở khuyến cáo, nhân rộng. Không thực hiện di thực cây Sâm Việt Nam vào trồng trong rừng đặc dụng, nơi không có phân bố tự nhiên.

- Điều tra, đánh giá xác định vùng bảo tồn Sâm Việt Nam ngoài tự nhiên làm cơ sở xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo tồn, phát triển nguồn gen.

- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ cho chế biến sâu sản phẩm từ Sâm Việt Nam. Xây dựng tài liệu, mô hình hướng dẫn kỹ thuật về quy trình trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hái, sơ chế Sâm Việt Nam đảm bảo chất lượng; biện pháp kỹ thuật phát triển Sâm Việt Nam bền vững trong môi trường rừng.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành từ khâu nuôi trồng đến khai thác, chế biến, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thành

lập sàn giao dịch thương mại điện tử về Sâm Việt Nam và các sản phẩm từ Sâm Việt Nam.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về Sâm Việt Nam.

b) Về tổ chức sản xuất

- Các địa phương tham gia Chương trình chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, điều tra, đánh giá, xác định cụ thể về diện tích các khu vực có điều kiện phù hợp để gây trồng, phát triển Sâm Việt Nam, thu hút các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với người dân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, khai thác, chế biến sản phẩm gắn với sản xuất theo chuỗi, tạo giá trị gia tăng của sản phẩm, phát triển kinh tế cho người dân. Phát triển các hình thức hợp tác trong trồng, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm Sâm Việt Nam.

- Phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác trong nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm Sâm Việt Nam; hỗ trợ, tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động cho các hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm đáp ứng các yêu cầu về nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu.

- Thu hút người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hái Sâm Việt Nam của tổ chức, doanh nghiệp để chia sẻ lợi ích, gắn với bảo vệ rừng; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

c) Về phát triển thị trường

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm Sâm Việt Nam, gắn với chỉ dẫn địa lý; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tuyên truyền, giới thiệu để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm Sâm Việt Nam; tăng cường tìm hiểu thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo giới thiệu về các sản phẩm Sâm Việt Nam.

d) Về cơ chế, chính sách

- Tổ chức triển khai, lồng ghép thực hiện với các cơ chế, chính sách đã ban hành, bao gồm: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chính sách khuyến khích

doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình khoa học công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia...

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Sâm Việt Nam trở thành ngành hàng mang thương hiệu quốc gia và có uy tín trên thị trường quốc tế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển các sản phẩm Sâm Việt Nam từ công đoạn sản xuất giống, gây trồng, thu hái, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với phát triển du lịch tại các vùng trồng.

đ) Về hợp tác quốc tế

Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế, nhất là các quốc gia có ngành công nghiệp nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sâm phát triển; tăng cường hợp tác chuyên gia khoa học công nghệ về nghiên cứu, phát triển giống, quy trình canh tác phát triển vùng nguyên liệu, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm Sâm Việt Nam.

2. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực Chương trình, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Chương trình có hiệu quả; rà soát, hoàn thiện, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn về quy trình trồng, chăm sóc, khai thác Sâm Việt Nam bền vững trong môi trường rừng.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Dân tộc các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác Sâm Việt Nam dưới tán rừng; xây dựng các công trình hạ tầng vùng trồng Sâm Việt Nam, đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đa dạng sinh học, đất đai, xây dựng và pháp luật liên quan, không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng của rừng, không để bị lợi dụng, hợp thức hóa các sai phạm các quy định về bảo vệ và phát triển rừng; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ về lĩnh vực giống, ứng dụng và đổi mới công nghệ, quản lý chất lượng, liên kết chuỗi giá trị, đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trồng bảo quản, chế biến Sâm Việt Nam.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân xây dựng chuỗi liên kết giá trị sản phẩm Sâm Việt Nam; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã trồng Sâm Việt Nam tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện Chương trình; hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

b) Bộ Y tế

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương tổ chức, triển khai, thực hiện; giám sát, đánh giá tổng kết Chương trình.

- Chủ trì, định hướng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dược liệu từ Sâm Việt Nam; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tham gia Chương trình triển khai, thực hiện các quy trình theo tiêu chuẩn về GACP-WHO.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thu hút, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến Sâm Việt Nam hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP-WHO hoặc tương đương.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách phát triển Sâm Việt Nam; hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác Sâm Việt Nam trong môi trường rừng.

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để phát huy tiềm năng lợi thế của các địa phương trong phát triển công nghiệp dược liệu gắn với Sâm Việt Nam.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, rà soát, tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản phẩm quốc gia Sâm Việt Nam theo Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 157/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 02 năm 2021. Hướng dẫn, kiểm tra các đề tài nghiên cứu đảm bảo tiến độ, chất lượng, sớm đưa các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất.

- Chỉ đạo, hoàn thiện chỉ dẫn địa lý Sâm Việt Nam cho sản phẩm Sâm Việt Nam gắn với xuất xứ.

- Bố trí nguồn kinh phí để triển khai các chương trình, dự án khoa học công nghệ liên quan đến việc ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý nguồn giống, vùng trồng và chất lượng các sản phẩm Sâm Việt Nam.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, hoàn thiện các chính sách triển khai thực hiện Chương trình phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Bộ Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành, địa phương liên quan, tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình trung hạn và hàng năm.

e) Ủy ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các nội dung có liên quan tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 để thực hiện Chương trình có hiệu quả.

g) Bộ Công Thương

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá sản phẩm Sâm Việt Nam ra thị trường nước ngoài trong khuôn khổ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương hướng dẫn xây dựng các chính sách hỗ trợ, xây dựng thương hiệu Sâm Việt Nam, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại các sản phẩm Sâm Việt Nam.

- Xây dựng và lồng ghép thực hiện các hoạt động hỗ trợ quảng bá sản phẩm Sâm Việt Nam trong khuôn khổ Chương trình xúc tiến thương mại, Chương trình thương hiệu quốc gia.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh Sâm Việt Nam trong công tác xây dựng, phát triển và quản trị thương hiệu, đáp ứng tiêu chí xét chọn sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia.

h) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch sử dụng đất, giao, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng để đảm bảo quỹ đất cho gây trồng, phát triển Sâm Việt Nam theo đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách phát triển Sâm Việt Nam; hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác Sâm Việt Nam dưới tán rừng.

i) Các bộ, ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ liên quan và các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, quản lý và hướng dẫn thực hiện Chương trình

k) Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia Chương trình

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình trên địa bàn, đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đa dạng sinh học, đất đai, xây dựng và pháp luật liên quan trong quá trình thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác Sâm Việt Nam và xây dựng các công trình hạ tầng vùng trồng Sâm, không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng của rừng, không để bị lợi dụng, hợp thức hóa các sai phạm các quy định về bảo vệ và phát triển rừng; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

- Rà soát, xác định cụ thể các khu vực bảo tồn Sâm Việt Nam ngoài tự nhiên, quy mô diện tích trồng Sâm Việt Nam trên địa bàn phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và điều kiện canh tác, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật lâm nghiệp, đa dạng sinh học, đất đai và các quy định liên quan khác; không đưa vào Chương trình việc phát triển diện tích trồng Sâm Việt Nam dưới tán rừng đặc dụng để phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư, phát triển Sâm Việt Nam theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, gắn với thị trường tiêu thụ.

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương triển khai, thực hiện Chương trình; đề xuất nguồn kinh phí thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2026-2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân triển khai, thực hiện các dự án phát triển Sâm Việt Nam trên địa bàn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ công tác sản xuất, kinh doanh giống Sâm Việt Nam trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Chịu trách nhiệm pháp luật trước Thủ tướng Chính phủ về quản lý, bảo vệ chặt chẽ tài nguyên rừng của khu vực trồng Sâm Việt Nam.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án; kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo định kỳ hàng năm; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Chương trình, các bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định của pháp luật; ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương khó khăn chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của QH;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, NN (2). 38

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang



Phụ lục
DỰ KIẾN DIỆN TÍCH PHÁT TRIỂN SÂM VIỆT NAM
ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Địa phương	Dự kiến diện tích (ha)				Loại sâm phát triển hoặc trồng thử nghiệm
		Tổng	Dưới tán rừng phòng hộ	Dưới tán rừng sản xuất	Trên đất nông nghiệp khác	
1	Quảng Nam	8.400	7.740	660		Ngọc Linh
2	Kon Tum	8.180	4.156	4.024		Ngọc Linh
3	Lai Châu	3.000	2.700	287	13	Lai Châu
4	Điện Biên	500	500			Lai Châu Ngọc Linh
5	Lâm Đồng	50	40		10	Liangbiang Ngọc Linh
6	Gia Lai	800		800		Ngọc Linh
7	Lào Cai	8	6	2		Lai Châu
8	Thừa Thiên Huế	32	32			Ngọc Linh
9	Nghệ An	30	15	15		Puxailaileng Ngọc Linh
	Tổng	21.000	15.189	5.788	23	